

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024 (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Sở, ban, ngành:

1. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (các thủ tục hành chính có nội dung đơn giản hóa về thời hạn giải quyết, ủy quyền giải quyết thủ tục).

2. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

**Điều 3.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Như Điều 5 (t/h);
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, ngành Trung ương (để biết);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LDVP;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**

## PHỤ LỤC

### NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NĂM 2024

#### I. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

##### 1. Thủ tục: Cấp lại giấy phép hoạt động in

###### 1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ lý do “*Cơ sở in phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép hoạt động in bị mất, bị hư hỏng tới cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in ở địa phương (Sở Thông tin và Truyền thông)*”.

- Về thành phần hồ sơ: Bổ thành phần hồ sơ: “*Giấy phép hoạt động in (đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng)*”.

Lý do: Hiện nay, Giấy phép hoạt động in được trả cho tổ chức, công dân bằng bản giấy và bản điện tử, do đó, khi bản giấy Giấy phép bị mất, bị hư hỏng thì vẫn còn có bản điện tử có giá trị, do vậy, không cần thiết phải quy định thủ tục cấp lại khi giấy phép bị hư hỏng.

###### 1.2. Kiến nghị thực thi:

- Bổ cụm từ “*bị hư hỏng*” quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. Theo đó, quy định này đề nghị sửa lại như sau:

“*d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:*

“*a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:*

“*a) Cơ sở in phải đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in trong thời hạn 07 ngày làm việc trong trường hợp có một trong các thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in thì cơ sở in phải có văn bản thông báo gửi qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in nơi đã cấp giấy phép về những thông tin thay đổi để bổ sung vào cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về hoạt động in. Trường hợp có thay đổi nêu trên mà cơ sở in đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in thì cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp lại giấy phép hoạt động in.*”.

- Bổ cụm từ “*giấy phép hoạt động in đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng*” quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày

19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. Theo đó, quy định này đề nghị sửa lại như sau:

*“b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gồm có: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định; các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này;”*

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 44.061.140 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 44.061.140 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

## **2. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động in**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Bỏ *“Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”*.

Lý do: Trong đơn đề nghị cấp giấy phép đã có thông tin “Mã số doanh nghiệp”, đồng thời giấy tờ này đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ. Do đó, việc bỏ thành phần hồ sơ này góp phần tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Bãi bỏ điểm b, khoản 5, Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 89.891.805 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 88.047.280 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.844.525 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2 %.

## **3. Thủ tục: Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần *“ Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm”*.

Lý do: Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được lưu 01 bản tại cơ quan cấp phép. Do vậy, khi phát sinh hồ đề nghị cấp giấy phép, cơ quan cấp phép chỉ cần đối chiếu nội dung với bản đã lưu để cấp lại theo số giấy phép mới mà

không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản sao giấy phép đã cấp. Việc quy định thành phần hồ sơ này là không cần thiết.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Bãi bỏ điểm c, khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội.

### **3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 61.955.120 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 60.029.960 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.925.160 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3 %.

## **II. SỞ TƯ PHÁP**

### **1. Thủ tục: Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao Giấy đăng ký hoạt động*”.

Lý do: Thành phần hồ sơ là “*Bản sao Giấy đăng ký hoạt động*” đã được Sở Tư pháp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp trước đó (*là kết quả giải quyết của thủ tục “Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư” hoặc thủ tục “Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật”*). Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ “*Bản sao Giấy đăng ký hoạt động*” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong quá trình chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

**1.2. Kiến nghị thực thi:** Bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao Giấy đăng ký hoạt động*” quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

#### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.607.475 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.146.045 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.461.430 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,89%.

## **2. Thủ tục: Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”.

Lý do: Thành phần hồ sơ: “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là giấy tờ được Sở kế hoạch và đầu tư cấp sau khi thẩm định và xác minh tính hợp lệ của hồ sơ, đồng thời giấy tờ này đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ. Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ: “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ này, nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

**2.2. Kiến nghị thực thi:** Bỏ thành phần hồ sơ “*Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.316.995 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.865.565 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.451.430 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,69%.

## **3. Thủ tục: Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị quy định Mẫu đơn/tờ khai đối với thành phần hồ sơ là: “*Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản*”.

Lý do: Hiện nay, thủ tục Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên không quy định mẫu Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. Việc không quy định mẫu chung thống nhất sẽ không đảm bảo đầy đủ các thông tin cần thiết mà cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu; hơn nữa gây mất thời gian đối với cá nhân thực hiện TTHC khi phải tự soạn thảo Văn bản đề nghị.

Do đó, cần thiết quy định mẫu Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nhằm triển khai thực hiện thống nhất, giúp tiết kiệm thời gian soạn thảo Văn bản cho cá nhân, tổ chức góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

**3.2. Kiến nghị thực thi:** Đề nghị quy định, bổ sung *Mẫu Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản* tại Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.970.640 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.393.655 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.576.985 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19.78%.

**4. Thủ tục: Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

*Lý do:* Đây là thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản. Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

**4.2. Kiến nghị thực thi:** Sửa đổi thời hạn thực hiện thủ tục Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản quy định tại Khoản 2, Điều 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 như sau:

*“Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản”.*

**4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 27.346.205 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19.848.105 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7.498.100 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,42%.

**5. Thủ tục: Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ *“Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp”*.

*Lý do:* Thành phần hồ sơ là: *“Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp”* là giấy tờ đã được Sở Tư pháp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp trước đó (là kết quả giải quyết của thủ tục *“Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài*

sản”). Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong quá trình chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

### **5.2. Kiến nghị thực thi:**

- Về thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp*” quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 29 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Đề nghị sửa đổi nội dung quy định tại khoản 4, Điều 29, Luật Đấu giá tài sản năm 2016: “*Chi nhánh hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh cho Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động*”

Sửa đổi, bổ sung thành: “*Chi nhánh hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Trường hợp chi nhánh của doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập ở ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động, thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh cho Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động*”.

**Lý do:** Khoản 4, Điều 29, Luật Đấu giá tài sản năm 2016 đang quy định Doanh nghiệp có chi nhánh đấu giá tài sản sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp. Tuy nhiên, trường hợp được thành lập ở trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động, thì Sở Tư pháp chính là cơ quan đã cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh nên doanh nghiệp đó, Sở Tư pháp sẽ tự sử dụng lại kết quả đã cấp cho chi nhánh đó để thực hiện giải quyết TTHC. Do đó, việc doanh nghiệp phải nộp bản sao Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp chỉ quy định đối với trường hợp chi nhánh đấu giá tài sản được thành lập ở ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động.

### **5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.765.245 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.203.180 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.562.065 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,80%.



## 6. Các thủ tục:

- Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
- Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

### 6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

*Lý do:* Đây là các thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản. Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

**6.2. Kiến nghị thực thi:** Sửa đổi thời hạn thực hiện của thủ tục *Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài* và thủ tục *Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài* quy định tại Khoản 3, Điều 79, Luật Luật sư năm 2006 như sau:

*Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài”*

*(Ghi chú: Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư quy định: Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài bị thay đổi thì thủ tục và hồ sơ cấp lại được thực hiện theo quy định tại Điều 79 của Luật Luật sư. Do vậy, thời hạn thực hiện của 02 thủ tục nêu trên được quy định như nhau).*

### 6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.607.475 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.406.360 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6.201.115 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,02%.

## 7. Một số kiến nghị, đề xuất khác:

- Đối với lĩnh vực lý lịch tư pháp việc thu phí hiện nay đang thực hiện theo các phương thức: Trực tiếp, qua bưu chính, trực tuyến. Để khuyến khích người dân thực hiện thanh toán trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm bớt thời gian, chi phí, đề xuất bổ sung quy định mức thu phí trực tuyến giảm 20% so với nộp phí trực tiếp hoặc qua bưu chính đối với tất cả các mức thu quy định tại Điều 4 Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

- Đề nghị xem xét sửa đổi khoản 4, Điều 5 Thông tư số 244/2016/TT-BTC về các trường hợp miễn phí: “4. Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết

*định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020”.*

Sửa đổi thành: “4. Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025”.

*Lý do:* Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg đã hết giai đoạn thực hiện. Ngày 27/01/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 để áp dụng cho giai đoạn này. Do đó, Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg hiện nay không còn phù hợp.

### **III. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

#### **1. Nhóm thủ tục:**

**- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn**

**- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Ủy quyền<sup>1</sup> ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và thú y (*cả cấp mới và cấp lại*).

- Về thời gian giải quyết:

+ Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc (*đối với cấp mới*).

+ Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc (*đối với cấp lại*).

*Lý do:* Giúp giải quyết TTHC được nhanh chóng, qua đó rút ngắn thời gian giải quyết, tiết kiệm thời gian khi thực hiện TTHC.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Thực hiện ủy quyền ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và thú y (*cả cấp mới và cấp lại*) theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

<sup>1</sup> Cơ sở pháp lý đang quy định thẩm quyền giải quyết của thủ tục:

Tại điểm a, b Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ quy định về thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn quy định như sau:

*“a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn tại địa phương;*

*b) Trường hợp cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn nằm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân đăng ký thủ tục đầu tư thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn”.*

- Về thời hạn giải quyết (đối với cấp mới): Sửa đổi điểm b Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, như sau:

*“b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ.*

*Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.*

*Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 19 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.*

*Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày lập biên bản đánh giá, tổ chức, cá nhân khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định và đánh giá lại điều kiện thực tế (nếu cần thiết).*

*Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi theo Mẫu số 05.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

- Về thời hạn giải quyết (đối với cấp lại): Sửa đổi điểm b Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, như sau:

*“b) Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo Mẫu số 05.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

### **1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

#### **\* Đối với cấp mới**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.977.156 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.915.568 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.061.588 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,31 %.

#### **\* Đối với cấp lại**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.267.938 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.978.414 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 289.524 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,77 %.

## 2. Nhóm thủ tục:

- **Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng**

- **Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng**

### 2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ủy quyền<sup>2</sup> ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và Thú y (*cả cấp mới và cấp lại*).

- Về thời gian giải quyết:

+ Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc (*Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung*); Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc (*Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng*) (*đối với cấp mới*).

+ Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc (*đối với cấp lại*).

Lý do: Giúp giải quyết TTHC được nhanh chóng, qua đó rút ngắn thời gian giải quyết, tiết kiệm thời gian khi thực hiện TTHC.

### 2.2. Kiến nghị thực thi:

- Về thẩm quyền giải quyết: Thực hiện ủy quyền ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và Thú y (*cả cấp mới và cấp lại*) theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Về thời hạn giải quyết (*đối với cấp mới*): Sửa đổi điểm b, c khoản 3, Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, như sau:

*“b) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung:*

*Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ.*

<sup>2</sup> Cơ sở pháp lý đang quy định thẩm quyền giải quyết của thủ tục:

Tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ quy định về thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng được quy định như sau:

*“b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này”.*

*Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.*

*Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 19 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này và lập Biên bản theo Mẫu số 05.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.*

*Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày lập biên bản đánh giá, tổ chức, cá nhân khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định và đánh giá lại điều kiện thực tế (nếu cần thiết).*

*Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Mẫu số 06.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

*c) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:*

*Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ; trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Mẫu số 06.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

- Về thời hạn giải quyết (đối với cấp lại): Sửa đổi điểm b, khoản 5, Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, như sau:

*“b) Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Mẫu số 06.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

### **2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

#### **\* Đối với cấp mới**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.988.578 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.457.784 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 530.794 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,31 %.

#### **\* Đối với cấp lại**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.267.938 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.978.414 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 289.524 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,77 %.

### **3. Thủ tục: Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh**

#### **3.1. Nội dung kiến nghị:**

Về trình tự, cách thức thực hiện và thời hạn giải quyết: Đề nghị quy định cụ thể về trình tự thực hiện của TTHC.

Lý do: Trong quá trình giải quyết TTHC có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị phối hợp xử lý (Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh). Tuy nhiên, tại Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ chưa quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện và thời hạn giải quyết của TTHC, do đó khó khăn trong việc quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC. Việc quy định cụ thể góp phần công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, đơn vị có liên quan trong quá trình giải quyết TTHC.

#### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể trình tự các bước thực hiện, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi tham gia thực hiện TTHC; quy định rõ ràng, cụ thể về cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết của TTHC tại Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.

## **IV. SỞ CÔNG THƯƠNG**

### **1. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc.
- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

#### Lý do:

- Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

- Thành phần hồ sơ bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do trong mẫu tờ khai đã có trường thông tin này, đồng thời giấy tờ này đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ này, nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Sửa đổi thời hạn thực hiện thủ tục quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu như sau:

*“ Trong thời hạn mười sáu (16) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

- Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 64.521.945 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 35.992.085 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 28.529.860 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44,2%.

## **2. Thủ tục: Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bỏ nội dung hồ sơ gửi kèm là Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại mẫu số 10, Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

*Lý do:* Trong nội dung mẫu đơn, mẫu tờ khai đã có nội dung quy định về thành phần hồ sơ. Hơn nữa Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cập nhật đầy đủ, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại điểm b, khoản 5, điều 29 Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về

hoạt động xúc tiến thương mại.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bỏ nội dung hồ sơ gửi kèm là Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại mẫu số 10, Nghị định số số 81/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 60.800.040 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 57.422.260 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.377.780 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,6%.

### **3. Các thủ tục:**

- **Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**
- **Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

#### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ các thành phần hồ sơ:

+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ thực hiện TTHC.

#### Lý do:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cập nhật đầy đủ, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ.

- Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Có thể khai thác thông tin căn cước công dân của người thực hiện TTHC.

Do đó bỏ các thành phần hồ sơ này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC cho tổ chức và cá nhân; đồng thời vẫn đảm bảo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

#### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 42, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.



- Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ thực hiện TTHC quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 42, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa TTHC:**

#### **\* Thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 207.386.730 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 193.158.150 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.228.580 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,9%.

#### **\* Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 102.292.740 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 93.772.100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.520.640 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,3%.

## **V. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

### **1. Các thủ tục:**

- **Đăng ký thành lập công ty hợp danh**
- **Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thời gian thực hiện: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

- Đề nghị bỏ quy định phải nộp phí khi doanh nghiệp yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC. Mặt khác, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là kết quả giải quyết TTHC được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp thì việc bỏ quy định phải nộp phí khi doanh nghiệp yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là phù hợp.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 1 Điều 33 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp như sau:

“1. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cập nhật thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.

- Bãi bỏ khoản 3, Điều 34 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 16.004.295 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 10.777.149 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.227.146 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

## **2. Thủ tục: Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng**

### **2.1. Nội dung kiến nghị:**

Về thời gian thực hiện: Đề nghị quy định cụ thể thời gian thực hiện của TTHC.

Lý do: Tại Điều 42 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã quy định cụ thể: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.

Đồng thời, việc quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho cho tổ chức, các nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời để cho cơ quan có thẩm quyền có kế hoạch thực hiện và chủ động hơn trong giải quyết TTHC.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Bổ sung quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng tại Điều 42 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của

Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

### **3. Thủ tục: Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm**

#### ***3.1. Nội dung kiến nghị:***

Về thời gian thực hiện: Đề nghị quy định cụ thể thời gian thực hiện của TTHC.

*Lý do:* Tại Điều 43 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã quy định cụ thể: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm, chủ dự án gửi cơ quan chủ quản và thông qua cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.

Đồng thời, việc quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho cho tổ chức, các nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời để cho cơ quan có thẩm quyền có kế hoạch thực hiện và chủ động hơn trong giải quyết TTHC.

#### ***3.2. Kiến nghị thực thi:***

Bổ sung quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm tại Điều 43 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

### **4. Thủ tục: Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo**

#### ***4.1. Nội dung đơn giản hóa:***

Về thành phần hồ sơ: Kiến nghị cắt giảm thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức.

*Lý do:* Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tạo thuận lợi, tiết kiệm, thời gian chi phí cho cho tổ chức cá nhân trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC. Hiện nay, các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cập nhật đầy đủ, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan nhà

nước có thẩm quyền có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ TTHC. Do vậy, quy định về việc nộp Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức không còn phù hợp với thực tiễn.

#### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Bãi bỏ quy định về thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức*” tại điểm d, khoản 1, Điều 11 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

#### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 13.611.120 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 13.125.088 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 486.032 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%.

## **VI. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Các thủ tục:**

- **Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**
- **Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**
- **Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ**
- **Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thành phần hồ sơ: Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ "*Giấy chứng nhận đã được cấp*".

Lý do: Giấy chứng nhận đã được cấp đã được số hóa và lưu tại cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận; nhằm tạo thuận lợi, giảm bớt thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Bãi bỏ điểm a, khoản 1 và điểm b, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 7.416.241 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.775.605 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.640.636 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,12 %.

## **2. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết của TTHC từ 1 tháng xuống còn 13 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ như sau:

" ...c) Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:.. ”

### **2.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 12.458.272 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.866.766 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6.591.496 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,91%.

## **3. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **3.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết của TTHC từ 20 ngày xuống còn 13 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d1, khoản 3, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ như sau:

“d1) Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;”

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 8.597.962 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.760.627 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.37.335 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,0%

## **4. Thủ tục: Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **4.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết của TTHC từ 90 ngày xuống còn 53 ngày (giảm thời gian tại các bước quy định tại điểm d1 và điểm d3 khoản 4, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ).

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d1 và điểm d3 khoản 4, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ như sau:

“d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và gửi cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định tổ chức được cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra

thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của tổ chức được cấp Giấy chứng nhận, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận hoặc thông báo không thu hồi Giấy chứng nhận cho tổ chức được cấp;

d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận;”

#### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 35.225.430 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.942.246 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.283.184 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,55%.

### **5. Thủ tục: Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng**

#### **5.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết của TTHC từ từ 5 ngày làm việc xuống còn 4 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

#### **5.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 3, Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn như sau:

“3. Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày nhận các bản công bố, nếu các bản công bố đầy đủ, đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào hai (02) bản công bố của cơ sở và gửi lại một (01) bản cho cơ sở đó.”

#### **5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.728.952 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.956.888 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 772.064 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.33 %.

## **VII. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**1. Thủ tục: Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ “01 bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận”.

*Lý do:* Tại cơ quan tiếp nhận và thẩm định hồ sơ (Sở Tài nguyên và Môi trường) đã có thành phần hồ sơ là bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận. Do vậy, việc yêu cầu Chủ dự án nộp các tài liệu này là không cần thiết.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bãi bỏ điểm c, khoản 2, Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 104.838.436 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 96.043.674 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 8.794.762 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,4%

## **2. Thủ tục: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bỏ quy định nộp bản sao các văn bản của cấp có thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh; Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường.

*Lý do:* Các văn bản của cấp có thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh là kết quả giải quyết TTHC của Sở Kế hoạch và Đầu tư, sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, có đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường được biết để lưu theo dõi và phối hợp thực hiện. Tại cơ quan tiếp nhận và thẩm định hồ sơ (Sở Tài nguyên và Môi trường) đã có thành phần hồ sơ là Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường. Do đó, bỏ quy định này nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC. Đồng thời vẫn đảm bảo cho cơ quan nhà nước giải quyết TTHC.



## **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bỏ quy định nộp Bản sao các văn bản của cấp có thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh; Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đang quy định tại Mẫu số 04 - Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường ban hành kèm theo Phụ lục II, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

## **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.019.274.124 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.013.248.788 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.845.336 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,29%

**3. Thủ tục: Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần “Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có)” được quy định tại đối với các trường hợp Thu hồi đất do bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất và Thu hồi đất trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất có thời hạn nhưng không được gia hạn.

Lý do: Để có cơ sở giải quyết thủ tục này, sau khi nhận được hồ sơ của người sử dụng đất, cơ quan tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra thực địa, lập biên bản xác minh thực địa làm cơ sở trình cơ quan có thẩm quyền quyết định. Do vậy, việc yêu cầu người sử dụng đất nộp tài liệu này là không cần thiết.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị bãi bỏ điểm d, khoản 1, Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Đề nghị sửa đổi điểm c, khoản 2; điểm b, khoản 3; điểm c, khoản 4; điểm b, khoản 5 Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

“2. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai gồm:

c) Các giấy tờ quy định tại các Điểm c, đ và e Khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai gồm:

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm c, đ và e khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai gồm:

c) Các giấy tờ quy định tại các điểm c, đ và e khoản 1 Điều này.

5. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người theo quy định tại Điểm đ và Điểm e Khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai gồm:

b) Các giấy tờ quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 1 Điều này.”

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 262.693.368 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 251.546.694 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.146.674 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,24%

## **4. Thủ tục: Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản**

### **4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ các thành phần :

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng” đang được quy định tại khoản 13 Điều 4 Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài)” đang được quy định tại khoản 14 Điều 4 Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.

### **Lý do:**

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển

nhượng gồm những thông tin về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện. Trong đó một số thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường đã có, các thông tin về nghĩa vụ tài chính có thể khai thác tại cơ quan thuế.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài): Đây là kết quả giải quyết TTHC của Sở Kế hoạch và Đầu tư, sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, có đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường được biết để lưu theo dõi và phối hợp thực hiện. Do vậy, việc yêu cầu tổ chức nộp thành phần hồ sơ này là không cần thiết.

#### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị sửa đổi khoản 13, Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như sau:

*“13. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 51 như sau:*

*“b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng;””*

- Đề nghị bãi bỏ khoản 14 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

#### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 77.390.818 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 76.736.532 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 654.285 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,85%

### **5. Thủ tục: Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản**

#### **5.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần “Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy

định tại các điểm a, c, e khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyên nhượng” đang được quy định tại khoản 11 Điều 4 Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

*Lý do:* Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, e khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm gia hạn gồm những thông tin về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong đó một số thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường đã có, các thông tin về nghĩa vụ tài chính có thể khai thác tại cơ quan thuế.

### **5.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi khoản 11, Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như sau:

*“11. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 51 như sau:*

*“b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.””*

### **5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 77.390.818 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 76.736.532 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 654.286 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,85%

## **VIII. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

### **1. Các thủ tục :**

- **Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể.**

- **Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản.**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

*Lý do:* Đây là thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản. Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch như sau:

*“Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành.*

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.110.954 đồng/năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.724.922 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 386.032 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

## **IX. SỞ TÀI CHÍNH**

**1. Thủ tục: Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian thực hiện từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 4, Điều 14 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể như sau:

*“4. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định sử dụng tài sản công hiện có để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư*

hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị sử dụng tài sản công hiện có để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư không phù hợp.....”

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 135.365.960 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 116.064.360 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 19.301.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14 %.

## **X. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**1. Thủ tục: Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn ngày 15 ngày làm việc tại bước.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 4, Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT ngày 02/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Điều 7 và thay thế Phụ lục II, Phụ lục III của Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam), cụ thể:

“Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng có trách nhiệm trả kết quả công nhận văn bằng cho người đề nghị công nhận văn bằng. Trường hợp cần xác minh thông tin về văn bằng từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc đơn vị xác thực nước ngoài, thời hạn trả kết quả công nhận văn bằng không vượt quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ công nhận văn bằng.”

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 58.163.082 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 39.914.310 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 18.248.772 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,38 %.

## **2. Thủ tục: Đăng ký xét tuyển theo chế độ cử tuyển**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết tại bước lập danh sách người có đủ tiêu chuẩn dự tuyển học theo chế độ cử tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi quy định tại khoản 6, Điều 8 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ về quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số, cụ thể:

*“Chậm nhất là 04 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, hội đồng cử tuyển phải lập danh sách người có đủ tiêu chuẩn dự tuyển học theo chế độ cử tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.”*

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 293.728.444 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 267.809.700 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 25.918.744 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,82%.

## **3. Thủ tục: Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương**

### **3.1. Nội dung kiến nghị:**

Về thời gian thực hiện: Đề nghị quy định cụ thể thời gian của TTHC.

Lý do: Tại Điều 54 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục không quy định thời gian thực hiện của TTHC. Việc quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC giúp công khai, minh bạch quy trình giải quyết TTHC.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết TTHC tại Điều 54 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

## **4. Thủ tục: Cho phép Trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại**

### **4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết của thủ tục tại bước Sở Nội vụ thẩm định, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh để thẩm tra từ 10 ngày làm việc xuống 8 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

#### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 38 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. Cụ thể:

*“Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ tổ chức thẩm định, chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm tra”.*

#### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25.292.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.845.728 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.446.352 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,58%.

### **5. Thủ tục: Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non**

#### **5.1. Nội dung kiến nghị:**

Về phí, lệ phí: Đề nghị bổ sung quy định mức phí cụ thể của TTHC.

*Lý do:* Việc công khai cụ thể mức phí, lệ phí để đảm bảo minh bạch với các khoản thu phí, lệ phí đối với TTHC.

#### **5.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 3, Điều 23, Chương III Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh Đại học, tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non theo hướng quy định mức phí cụ thể.

## **XI. SỞ NỘI VỤ**

### **1. Thủ tục: Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 4, Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong như sau:



“...2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ có trách nhiệm xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chấp thuận bằng văn bản việc thành lập tổ chức thanh niên xung phong. Trong trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;....”

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 97.217.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 76.468.300 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.749.220 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

**2. Thủ tục: Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi khoản 5, Điều 34, Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 như sau:

“...5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do;...”

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 2.448.747.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 1.855.223.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 593.524.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24%.

**3. Thủ tục: Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 30 ngày xuống còn 25 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 24, Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016 như sau:

*“...2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do;...”*

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 3.606.843.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.013.319.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 593.524.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16 %.

## **4. Thủ tục: Cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ**

### **4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “Bản lưu, bản chứng thực tài liệu”.

*Lý do:* Bản gốc đã được lưu tại Lưu trữ lịch sử tỉnh, do đó việc bỏ yêu cầu nộp thành phần hồ sơ này thì cơ quan giải quyết TTHC vẫn thực hiện giải quyết được TTHC. Đồng thời sẽ góp phần tiết kiệm chi phí cho cá nhân trong việc thực hiện TTHC.

### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “Bản lưu, bản chứng thực tài liệu” quy định tại khoản 6, Điều 11, Thông tư số 10/2014/TTBNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu Phòng đọc của các Lưu trữ lịch sử.

### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 151.857.200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 142.206.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 9.650.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6 %.

## **XIII. SỞ Y TẾ**

**1. Thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ yêu cầu nộp “bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”.

Lý do: Trong đơn đề nghị đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được đã có thông tin liên quan đến các giấy tờ này, mặt khác hiện tại công dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn, công dịch vụ công quốc gia và phần mềm một cửa điện tử của tỉnh Bắc Kạn đã được kết nối liên thông đến cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, vì vậy bỏ yêu cầu này để tạo thuận lợi cho các cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp các cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ khi thực hiện TTHC.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bỏ trường thông tin “Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” quy định tại đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.

Lý do: Phù hợp với quy định của Chính phủ tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị bỏ yêu cầu nộp “bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu” quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 5 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Đề nghị bãi bỏ khoản 6, Điều 24 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội.

- Đề nghị bỏ trường thông tin “Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” quy định tại đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.143.689.580 đồng/năm.

- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.131.026.080 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.663.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,11%.

## **2. Thủ tục: Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ:

+ Đề nghị bỏ yêu cầu nộp “bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”.

Lý do: Trong đơn đề nghị điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề được đã có thông tin liên quan đến các giấy tờ này. Mặt khác, hiện tại công dịch vụ

công tỉnh Bắc Kạn, công dịch vụ công quốc gia và phần mềm một cửa điện tử của tỉnh Bắc Kạn đã được kết nối liên thông đến cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, vì vậy bỏ yêu cầu này để tạo thuận lợi cho các cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp các cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ khi thực hiện TTHC.

+ Bỏ yêu cầu phải nộp Bản sao Chứng chỉ hành nghề được đã cấp.

*Lý do:* Thành phần hồ sơ là ‘Bản sao Chứng chỉ hành nghề được đã cấp’ đã được Sở Y tế tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp trước đó (là kết quả giải quyết của thủ tục “*Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được nhưng Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ*”). Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ “Bản sao Chứng chỉ hành nghề được đã cấp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tái sử dụng kết quả số hóa, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong quá trình chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bỏ trường thông tin “Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” quy định tại đơn đề nghị điều chỉnh Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.

## **2.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị bỏ yêu cầu nộp “bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu” quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 5 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Đề nghị bãi bỏ khoản 3, Điều 26 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội.

- Đề nghị bỏ trường thông tin “Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” quy định tại đơn đề nghị điều chỉnh Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.

## **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 299.860.480 đồng/năm.

- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 284.684.280 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 15.176.200 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,06 %.

## **3. Các thủ tục:**

- **Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

**được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)**

**- Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Bỏ thành phần hồ sơ là “Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp”.

*Lý do:* Trong đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đã có thông tin liên quan đến thành phần hồ sơ là Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp. Mặt khác, thành phần hồ sơ là ‘Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp’ đã được Sở Y tế tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp trước đó (là kết quả giải quyết của thủ tục “*Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ*”. Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ “Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tái sử dụng kết quả số hóa, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong quá trình chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

- Bỏ yêu cầu phải nộp “Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở”.

*Lý do:* Trong đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đã có thông tin liên quan đến thành phần hồ sơ này. Mặt khác, thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ. Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ: “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ này, nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bãi bỏ điểm c, d khoản 1, Điều 38 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội.

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.234.089.700 đồng/năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.208.762.700 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 25.327.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,05 %.

**4. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ:

+ Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là “Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp”.

*Lý do:* Trong đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thực hiện theo Mẫu số 19 Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ đã có thông tin liên quan đến thành phần hồ sơ. Mặt khác, thành phần hồ sơ là ‘Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp’ đã được Sở Y tế tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp trước đó (là kết quả giải quyết của thủ tục “*Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ*”. Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ “Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đã cấp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tái sử dụng kết quả số hóa, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong quá trình chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

+ Đề nghị bỏ thành phần “Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở”.

*Lý do:* Thành phần hồ sơ: “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là giấy tờ được Sở kế hoạch và đầu tư cấp sau khi thẩm định và xác minh tính hợp lệ của hồ sơ, đồng thời giấy tờ này đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ. Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ này là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ này, nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

**4.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bãi bỏ điểm b, c Khoản 4 Điều 38 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội.

**4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 616.438.500 đồng/năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 591.111.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 25.327.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,11 %.

## **5. Thủ tục: Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc**

### **5.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ yêu cầu phải nộp Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ký, đóng dấu xác nhận của cơ sở đó.

*Lý do:* Thành phần hồ sơ: “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là giấy tờ được Sở kế hoạch và đầu tư cấp sau khi thẩm định và xác minh tính hợp lệ của hồ sơ, đồng thời giấy tờ này đã được cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể tự chủ động tra cứu các thông tin về doanh nghiệp nộp hồ sơ. Do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp thành phần hồ sơ: “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là không cần thiết. Đồng thời, việc bỏ thành phần hồ sơ này, nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại trong chuẩn bị hồ sơ khi thực hiện TTHC.

### **5.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bãi bỏ điểm b, khoản 1, Điều 14 Thông tư số 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định chi tiết một số Điều về kinh doanh dược của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

### **5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.036.050 đồng/năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 27.784.780 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 251.270 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,9 %.

## **6. Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng**

### **6.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc.

*Lý do:* Tạo thuận lợi cho các tổ chức khi thực hiện TTHC, giúp các tổ chức tiết kiệm thời gian trong hoạt động cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng

### **6.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của liên Bộ Y tế và Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn của người được cấp Thẻ, mẫu Thẻ, việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV, như sau:

“2. Trình tự xét, cấp Thẻ lần đầu:

a) Người có nguyện vọng làm nhân viên tiếp cận cộng đồng tự nguyện viết đơn đề nghị cấp Thẻ và nộp cho người đứng đầu chương trình, dự án;

b) Người đứng đầu chương trình, dự án lập danh sách những người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng và gửi danh sách này kèm theo đơn tự nguyện làm nhân viên tiếp cận cộng đồng về Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) nơi người đó đăng ký thường trú hoặc tạm trú để đề nghị xác nhận về nhân thân của những người đó;

c) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp Thẻ và danh sách những người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng do người đứng đầu chương trình, dự án gửi đến, Công an cấp xã xem xét để xác nhận về nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú cũng như các nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này (theo quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này). Trường hợp không xác nhận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Sau khi nhận được giấy xác nhận về nhân thân của Công an cấp xã, người đứng đầu chương trình, dự án hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp Thẻ gửi đến Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS;

đ) Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS phải ban hành quyết định cấp Thẻ cho những người được tuyển chọn làm nhân viên tiếp cận cộng đồng (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này). Trường hợp không cấp, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với từng trường hợp.”.

### **6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 73.804.810 đồng/năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 54.503.210 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 19.301.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,15 %.

## **XIV. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

### **1. Thủ tục: Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

*Về thời hạn giải quyết:* Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc (*giảm ngày làm việc phần thời gian thực hiện của công chức phòng chuyên môn Sở Lao động - TB&XH*).

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

**1.2. Kiến nghị thực thi:** Sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ Trưởng Bộ Lao động -



Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp, như sau:

*“c) Trong thời hạn mười ba (13) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị công nhận Giám đốc Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực của tổ chức hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm hoặc cá nhân sở hữu trung tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực trên địa bàn”*

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 18.329.408 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 12.635.436 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.693.972 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,06 %.

**2. Thủ tục: Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh (đối với trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ 31/12/1994 trở về trước không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật hoặc thất lạc)**

#### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

*Về thời hạn giải quyết:* Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 17 ngày xuống còn 16 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

**2.2. Kiến nghị thực thi:** Sửa đổi khoản 2, Điều 43 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng như sau:

*“2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian mười một (11) ngày kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ đang quản lý để ban hành quyết định hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 62 Phụ lục I Nghị định này. Trợ cấp, phụ cấp đối với thương binh được xác định theo biên bản giám định thương tật cuối cùng.*

*Trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật hoặc thất lạc thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có văn bản đề nghị Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng trong quân đội) hoặc thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an (đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an) cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ.”*

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 35.134.150 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 32.480.180 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.653.970 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,55%

## **3. Thủ tục: Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

*Về thời hạn giải quyết:* Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống còn 24 ngày (giảm thời gian tại bước giải quyết của Sở).

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d, khoản 2, Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân như sau:

*“d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian chín (09) ngày kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ quy định tại Điểm c Khoản này, có trách nhiệm đối chiếu, ghép hồ sơ người có công đang quản lý với hồ sơ đề nghị hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần và ra quyết định.”*

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hoá:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 50.336.860 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 47.681.540 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.655.320 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,28 %

## **XV. THANH TRA TỈNH**

### **1. Thủ tục: Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

*Về thời hạn giải quyết:* Đề nghị rút ngắn thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu từ 30 ngày xuống 28 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết từ 45 ngày xuống 43 ngày, kể từ ngày thụ lý.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi Điều 28 Luật số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, như sau:

*“Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 28 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 43 ngày, kể từ ngày thụ lý.”*

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 382.471.680 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 359.309.760 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 23.161.920 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6%

## **2. Thủ tục: Xử lý đơn tại cấp huyện**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Đề nghị rút ngắn thời hạn xử lý đơn từ 10 ngày làm việc xuống 8 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi quy định về thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại tại khoản 1, Điều 16, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, cụ thể như sau:

*“Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền giải quyết mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần hai phải thụ lý giải quyết”.*

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 46.623.840 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 38.903.200 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 7.720.200 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

## **XVI. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **1. Thủ tục: Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải.

- Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết của thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

*Lý do:* Hiện nay thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được chia sẻ trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và việc giảm thời gian giải quyết của thủ tục hành chính vẫn đảm bảo cho cơ quan nhà nước giải quyết được thủ tục đó, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân thực hiện thủ tục hành chính

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ.

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô như sau:

“...1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh:

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do....”

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 91.922.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 55.009.560 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 36.913.040 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

## **2. Thủ tục: Công bố đóng luồng đường thủy khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa**

Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời hạn giải quyết của thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc giảm thời gian giải quyết của thủ tục hành chính vẫn đảm bảo cho cơ quan nhà nước giải quyết được thủ tục đó, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân thực hiện thủ tục hành chính

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi điểm d, khoản 4, Điều 11 Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa như sau:

“...4. Thủ tục đóng luồng quốc gia, luồng địa phương:

*d) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.”*

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 42.714.790 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 37.155.580 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.559.210 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13%

## **XVII. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Các thủ tục:**

*- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ*

*- Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ*

*- Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ*

*- Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ*

#### **1.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thành phần hồ sơ: Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ "Giấy chứng nhận đã được cấp" tại điểm a, khoản 1 và điểm b, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

*Lý do:* Giấy chứng nhận đã được cấp đã được số hóa và lưu tại cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. Do đó việc bỏ thành phần hồ sơ này góp phần tạo thuận lợi, giảm bớt thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện TTHC.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ "Giấy chứng nhận đã được cấp" tại điểm a, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 7 Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

#### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.305.399 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.340.319 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 965.080 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,42 %

## **2. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 1 tháng xuống còn 13 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ như sau:

"...c) Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:.."

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 12.342.672 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.780.083 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 6.562.544 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53.17 %

## **3. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **3.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày xuống còn 13 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d1, khoản 3, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ như sau:

"d1) Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công

*nghiệp tại địa phương xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;”*

### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 8.492.307 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.790.083 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.702.224 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,82 %

## **4. Thủ tục: Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **4.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 90 ngày xuống 53 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d1 và điểm d3 khoản 4, Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, như sau:

*“d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và gửi cho các bên;*

...

*d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận;”*

### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 35.133.912 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.850.728 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 14.283.184 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,65 %

**5. Thủ tục: Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)**

**5.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ từ 20 ngày làm việc xuống 8,5 ngày làm việc (*Đối với trường hợp dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp*).

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

**5.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm đ, khoản 2, Điều 4 Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên, như sau:

*"đ) Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, trong trường hợp cần thiết, trong thời hạn 8,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan chủ trì quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức khảo sát thực tế tại dự án đầu tư để xác định công nghệ của dự án đầu tư."*

**5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 17.546.202 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 14.361.438 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.184.764 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,15 %

**6. Thủ tục: Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng**

**6.1. Nội dung đơn giản hoá:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống còn 4 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

**6.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 3, Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn như sau:



“3. Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày nhận các bản công bố, nếu các bản công bố đầy đủ, đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào hai (02) bản công bố của cơ sở và gửi lại một (01) bản cho cơ sở đó”.

### **6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.925.400 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.377.780 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.547.620 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,42 %

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình xuống còn 18 ngày và thời gian 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ xuống còn 12 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC không những giải quyết nhanh, tiết kiệm thời gian thực hiện cho cá nhân, tổ chức, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính góp phần nâng cao chỉ số cải cách thủ tục hành chính ở địa phương.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Sửa đổi điểm b, khoản 36, Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 như sau: “ Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp giấy phép trong thời gian 18 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình, bao gồm cả giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời và trong thời gian 12 ngày đối với nhà ở riêng lẻ. Trường hợp đến thời hạn cấp giấy phép nhưng cần phải xem xét thêm thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý trực tiếp xem xét và chỉ đạo thực hiện, nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản này. Thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.”

### **1.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

\* Đối với cấp giấy phép xây dựng công trình

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 188.769.648 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 170.240.112 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 18.529.536 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

*\* Đối với cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 141.287.712 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 114.265.472 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 27.022.240 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%

## **2. Thủ tục: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực.

Lý do: Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị bãi bỏ điểm b, khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Đề nghị sửa đổi điểm c, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau:

*“c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.*

*Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.”*

### **2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.281.020, đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.084.004, đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 197.016 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3%

### **3. Thủ tục: Hội tự giải thể**

#### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

#### **3.2. Kiến nghị thực thi**

Đề nghị sửa đổi khoản 5, Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/04/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/04/2010 của Chính phủ về quy định về tổ chức hoạt động hội, như sau:

*Trong thời hạn hai mươi ngày làm việc kể từ ngày hội tự giải thể theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, hội thực hiện các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và gửi một bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực chính hội hoạt động.*

#### **3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40.991.773 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.410.813 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.580.960 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28 %

### **4. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

#### **4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp*”.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bỏ trường thông tin “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm*” tại Mẫu số 05 và trường thông tin “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công*

*cộng*” tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ.

Lý do: Hiện nay phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo được cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

#### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

- Bãi bỏ điểm c, khoản 1, Điều 35b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi tại khoản 37, Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Bỏ trường thông tin “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm*” tại Mẫu số 05 và trường thông tin “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng*” tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

#### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.314.305 đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.024.781 đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 289.524. đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1%

### **C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

**1. Thủ tục: Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực.

Lý do: Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, do đó thành phần hồ sơ này đã tra cứu được trên Phần mềm Một cửa điện tử; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Đề nghị bãi bỏ điểm b, khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Đề nghị sửa đổi điểm c, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau:

*“c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.*

*Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.”*

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.281.020, đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.084.004, đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 197.016 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3%

## **2. Thủ tục: Liên thông các thủ tục về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi**

### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết tthc từ 15 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 14 Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, như sau:

*“b) Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định”.*

### **2.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 442.730.450 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 297.968.450 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 144.762.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 33 %

### **3. Thủ tục: Đăng ký lại kết hôn**

#### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết:

+ Đối với trường hợp không phải xác minh: Giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ.

+ Đối với trường hợp phải xác minh: Giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh.

*Lý do:* Việc cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC vẫn đảm bảo thời gian giải quyết cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện và rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho cá nhân. Tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

#### **3.2. Kiến nghị thực thi :**

- Sửa đổi khoản 2, Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch như sau:

*“Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu thấy hồ sơ đăng ký lại kết hôn là đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại kết hôn như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Hộ tịch”* .

- Sửa đổi khoản 3, Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch như sau:

*“3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được sổ hộ tịch tại nơi đăng ký kết hôn, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc đăng ký lại kết hôn theo quy định tại Khoản 2 Điều này.*

#### **3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

*\* Trường hợp không phải xác minh:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 37.059.072 đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.634.296 đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 21.424.776 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58%

*\* Trường hợp phải xác minh:*

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 19.542.870 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 13.752.890 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.790.480 đồng/năm
- Chi phí cắt giảm chi phí: 30%

#### **4. Thủ tục: Đăng ký khai tử**

##### **4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ việc nộp Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết có trách nhiệm cấp Giấy báo tử.

Lý do: Đối với trường hợp công dân chết tại nơi cư trú cuối cùng quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, khi người thân của người chết đi đăng ký khai tử phải đề nghị UBND xã cấp giấy báo tử, rồi tiếp tục yêu cầu UBND xã đăng ký khai tử. Trong khi đó, nội dung thông tin trên giấy báo tử và trích lục khai tử là giống nhau. Vì vậy, việc vừa yêu cầu cấp giấy báo tử vừa yêu cầu đăng ký khai tử là không cần thiết.

##### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Bãi bỏ việc nộp Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử (quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch) đối với trường hợp quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

##### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.771.435 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.685.720 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.085.715 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11 %

#### **5. Thủ tục: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên**

##### **5.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Đây là thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản. Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

##### **5.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở, như sau:

“2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

### **5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 78.412.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 48.302.254 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm được: 30.110.496 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38%

## **6. Thủ tục: Công nhận hòa giải viên**

### **6.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết từ 04 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

*Lý do:* Đây là thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản. Do đó, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

### **6.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm a, khoản 3, Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải cơ sở, như sau:

“a. ... Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định”.

### **6.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 48.736.540 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 37.155.580 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.580.960 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24 %

## **7. Thủ tục: Thôi làm hòa giải viên**

### **7.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

*Lý do:* Đây là thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản. Do đó, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.



## **7.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN về ban hành Nghị quyết liên tịch hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải cơ sở như sau:

*“2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định”.*

## **7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 30.641.290 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 19.060.330 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.580.960 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38 %

## **8. Thủ tục: Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải**

### **8.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

### **8.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa điểm a, khoản 3, Điều 13 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN về quy trình bầu, công nhận tổ trưởng tổ hòa giải như sau:

*“Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định”*

### **8.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 54.285.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.440.022 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 20.845.728 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 38 %

## **9. Thủ tục: Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật**

### **9.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 03 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

## **9.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 3, Điều 6 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật như sau:

*“3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được gửi cho Trưởng ban công tác Mặt trận, tuyên truyền viên pháp luật và được công bố công khai theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Thông tư này”.*

## **9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 3.715.558 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 1.399.366 đồng /năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.316.192 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 62 %

## **10. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công**

### **10.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

### **10.2. Kiến nghị thực thi:**

Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 116 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, như sau:

*“2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công theo mẫu số 45 phụ lục I nghị định này”.*

### **10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.882.560 đồng/ năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19.060.560 đồng/ năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.822.000 đồng/ năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38%

## **11. Thủ tục: Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến**

### **11.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục trong thời hạn 20 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

### **11.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng như sau:

*“Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất)”*

### **11.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 718.019.520 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 267.327.160 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 450.692.360 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 63 %

## **D. DANH MỤC TTHC RÀ SOÁT NGOÀI KẾ HOẠCH CỦA TỈNH**

### **D.I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

#### **1. Thủ tục: Công nhận Ban vận động thành lập Hội**

##### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống 18 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

##### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d, khoản 5, Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/04/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, như sau:

*“Trong thời hạn mười tám ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều này có trách nhiệm xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”*.

##### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 74.890.208 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.463.520 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 32.426.688 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43 %

## **D.2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

### **1. Các thủ tục:**

- **Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề**
- **Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình**
- **Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích đột xuất**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục trong thời hạn 20 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng như sau:

*“Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất)”*

#### **1.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 718.019.520 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 267.327.160 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 450.692.360 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 63 %

### **2. Thủ tục: Đăng ký kết hôn**

#### **2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về mẫu tờ khai: Bãi bỏ nội dung thông tin “*Kết hôn lần thứ mấy*” của hai bên nam nữ trong Tờ khai đăng ký kết hôn theo quy định tại Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/20215/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Hộ tịch.

*Lý do:* Tình trạng hôn nhân của hai bên nam, nữ đã được thể hiện rõ trong giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và qua xác minh trong trường hợp công dân cư trú tại nơi đăng ký kết hôn. Do vậy, việc bỏ nội dung thông tin “*Kết hôn lần thứ mấy*” của hai bên nam nữ trong tờ khai đăng ký kết hôn sẽ tiết kiệm thời gian, chi phí cho công dân, đồng thời vẫn đảm bảo được cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giải quyết TTHC.

### **2.2. Kiến nghị thực thi:**

Bỏ trường thông tin “*Kết hôn lần thứ mấy*” của hai bên nam nữ trong tờ khai đăng ký kết hôn tại phụ lục số 5 trong phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/20215/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Hộ tịch.

### **2.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.812.720 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 30.400.020 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.412.700 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7 %

## **3. Thủ tục: Đăng ký chấm dứt giám hộ**

### **3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

*Lý do:* Kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc chấm dứt giám hộ đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật dân sự, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc chấm dứt giám hộ vào Sổ hộ tịch, cùng người đi đăng ký chấm dứt giám hộ ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu ngay trong ngày, người dân không phải đi lại nhiều lần. Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

### **3.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 22 Luật hộ tịch ngày 20/11/2015 như sau:

“ 2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc chấm dứt giám hộ đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật dân sự, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc chấm dứt

giám hộ vào Sổ hộ tịch, cùng người đi đăng ký chấm dứt giám hộ ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu”.

### **3.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.780.970 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.958.740 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.822.230 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44 %

## **4. Thủ tục: Cấp đổi giấy xác nhận khuyết tật**

### **4.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Lý do: Hồ sơ của các đối tượng bảo trợ xã hội được lưu trữ tại UBND cấp xã, khi nhận được đơn đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hồ sơ đang lưu giữ quyết định đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật. Có thể trả kết quả ngay trong ngày làm việc giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **4.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 9 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện, như sau:

*“Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hồ sơ đang lưu giữ quyết định cấp đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật...”*

### **4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 8.492.704 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 2.316.192 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 6.176.512 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73 %

## **5. Thủ tục: Đăng ký nhận cha, mẹ, con**

### **5.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời hạn giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

## **5.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 25 Luật hộ tịch năm 2014 như sau:

*“Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người đăng ký nhận cha, mẹ, con ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.*

*Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc”.*

## **5.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 128,764,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 110,234,464 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 18.529.536 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,39 %

## **6. Thủ tục: Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã**

### **6.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **6.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 17 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội như sau:

*“b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”*

### **6.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 258.062.392 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 176.995.672 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 81.066.720 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 31 %

## **7. Thủ tục: Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở**

### **7.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **7.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 3 Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở như sau:

*“2. Công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở*

*Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận. Trường hợp không công nhận thì phải có văn bản nêu rõ lý do.”*

### **7.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 122.951.192 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 90.524.504 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 32.426.688 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 26 %

## **8. Thủ tục: Xử lý đơn tại cấp xã**

### **8.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **8.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 1, Điều 28 Luật Tiếp công dân năm 2013 như sau:

*“1. Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một trong các nội dung sau đây:.....”*

### **8.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 168.889.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 152.675.656 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 16.213.344 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 10 %

**9. Thủ tục: Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện**

### **9.1. Nội dung đơn giản hóa:**



Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống 18 ngày.

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **9.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm a, khoản 3, Điều 46 Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016 như sau:

*“...3. Thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp:*

*a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có quy mô tổ chức ở một huyện trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do”.*

### **9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.116.232 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.270.504 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 20.845.728 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %

## **10. Thủ tục: Đăng ký hoạt động tín ngưỡng**

### **10.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết thủ tục trong thời hạn từ 15 ngày xuống còn 08 ngày .

*Lý do:* Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

### **10.2. Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi khoản 2, Điều 12 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016 của Quốc hội) như sau:

*“Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do”.*

### **10.3. Lợi ích của việc đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.908.624 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 38.217.168 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 41.691.456 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52 %